

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2133/UBND-CN

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 3 năm 2017

V/v chủ trương hoàn trả các tuyến đường phục vụ thi công dự án đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn.

Kính gửi:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Giao thông vận tải;
- UBND các huyện: Triệu Sơn, Nông Cống;
- Công ty TNHH BT Thọ Xuân - Nghi Sơn.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 17/SGTVT-TĐKHKT ngày 04/01/2017 của Sở Giao thông vận tải về việc hoàn trả các tuyến đường sử dụng làm đường vận chuyển phục vụ thi công dự án đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn. Trên cơ sở đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 608/SKHĐT-CNDV ngày 22/02/2017, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

- Đồng ý chủ trương đầu tư hoàn trả 11 tuyến đường phục vụ thi công dự án đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn, với mức đầu tư khoảng 129,5 tỷ đồng.

(Quy mô, mức đầu tư của từng tuyến có phụ lục kèm theo).

- Giao Công ty TNHH BT Thọ Xuân - Nghi Sơn lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán hoàn trả các tuyến đường nêu trên, trình thẩm định và phê duyệt theo quy định của pháp luật;

- Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp Công ty TNHH BT Thọ Xuân - Nghi Sơn xem xét, bổ sung vào hợp đồng BT để triển khai thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT Lê Anh Tuấn;
- Lưu: VT, CN.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Xứng

PHỤ LỤC: HOÀN TRẢ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG SỬ DỤNG LÀM ĐƯỜNG VẬN CHUYỂN

(Kèm theo Công văn số 2133 /UBND-CN ngày 03 /3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Các tuyến đường giao thông hoàn trả	Quy mô tuyến đường hiện trạng	Chiều dài hoàn trả	Quy mô hoàn trả tuyến đường	Chi phí xây dựng Sơ GTVT trình (Đồng)	Chi phí xây dựng sau khi Sơ Kế hoạch và Đầu tư, Sơ Giao thông Vận tải rà soát (Đồng)	Ghi chú
I	Huyện Triệu Sơn				90.915.500.000	90.604.000.000	
1	Đường tỉnh 514 đoạn từ điểm giao với đường vào mỏ đất Đồi Mốc xã Minh Sơn Km5+900 đến đường vào mỏ đất xã Hợp Tiến Km13+600	Quy mô đường cấp VI đồng bằng theo TCVN 4054-2005; mặt đường láng nhựa, Bn=6,5m, Bm=5,5m	7,7 Km	Giữ nguyên quy mô đường hiện trạng; sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường; thảm 01 lớp BTNC 19	30.530.500.000	30.184.000.000	- Suất đầu tư sửa chữa mặt đường xác định theo chi phí xây dựng đoạn Km14+627,3 - Km15+849,2 thuộc Dự án gia cố lề, sửa chữa hư hỏng nền đường, mặt đường, bổ sung rãnh thoát nước, sửa chữa bổ sung hệ thống ATGT trên QL 47C tỉnh Thanh Hóa là 2,4 tỷ đồng/01km - Các đoạn qua khu dân cư bố trí rãnh thoát nước dọc, dự kiến chiều dài rãnh bằng 40% chiều dài tuyến (suất đầu tư rãnh là 1,9 tỷ đồng/01km)
2	Đường tỉnh 514B đoạn từ ngã ba Sim đi ngã tư Xuân Thắng (toàn tuyến đường tỉnh)	Quy mô đường cấp VI đồng bằng theo TCVN 4054-2005; mặt đường láng nhựa, Bn=6,5m, Bm=5,5m	14,0 Km	Giữ nguyên quy mô đường hiện trạng; sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường; thảm 01 lớp BTNC 19	49.525.000.000	49.560.000.000	- Suất đầu tư sửa chữa mặt đường xác định theo chi phí xây dựng đoạn Km14+627,3 - Km15+849,2 thuộc Dự án gia cố lề, sửa chữa hư hỏng nền đường, mặt đường, bổ sung rãnh thoát nước, sửa chữa bổ sung hệ thống ATGT trên QL 47C tỉnh Thanh Hóa là 2,4 tỷ đồng/01km - Các đoạn qua khu dân cư bố trí rãnh thoát nước dọc, dự kiến chiều dài rãnh bằng 30% chiều dài tuyến (suất đầu tư rãnh là 1,9 tỷ đồng/01km)
3	Tuyến đường liên xã từ điểm giao với đường tỉnh 514B xã Hợp Lý Km2+400 đến điểm giao với đường tỉnh 514B xã Thọ Tiến Km9+800	Quy mô đường GTNT; mặt đường láng nhựa, Bn=5,0m, Bm=3,5m	5,7 Km	Giữ nguyên quy mô đường hiện trạng; sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hoàn trả bằng mặt đường láng nhựa	7.737.750.000	7.737.750.000	- Suất đầu tư theo công trình khắc phục hậu quả bảo lút đường tỉnh 512 (Tân Dân - Chuông) là 225.000 đồng/m ² - Các đoạn qua khu dân cư bố trí rãnh thoát nước dọc, dự kiến chiều dài rãnh bằng 15% chiều dài tuyến (suất đầu tư rãnh là 1,9 tỷ đồng/01km)
4	Tuyến đường ngang liên xã từ xã Thọ Tiến đến đường tỉnh 514B	Quy mô đường GTNT; mặt đường láng nhựa, Bn=5,0m, Bm=3,5m	2,3 Km	Giữ nguyên quy mô đường hiện trạng; sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hoàn trả bằng mặt đường láng nhựa	3.122.250.000	3.122.250.000	- nt -
II	Huyện Nông Cống				67.534.500.000	38.876.250.000	
1	Đường tỉnh 525 (Chợ Kho - Minh Thọ) đoạn từ ngã ba giao với đường tỉnh 525B khoảng Km7+300 tại xã Tượng Văn đến điểm giao với QL45 tại khoảng Km20+00 xã Minh Thọ	Quy mô đường cấp VI đồng bằng theo TCVN 4054-2005; mặt đường láng nhựa, Bn=6,5m, Bm=5,5m	12,7 Km	Giữ nguyên quy mô đường hiện trạng; sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hoàn trả bằng mặt đường láng nhựa	42.735.500.000	15.716.250.000	Suất đầu tư theo công trình khắc phục hậu quả bảo lút đường tỉnh 512 (Tân Dân - Chuông) là 225.000 đồng/m ²
2	Đường tỉnh 525B (Thăng Thọ - Tượng Văn) đoạn từ điểm giao với dự án BT khoảng Km7+00 xã Tượng Lĩnh đến ngã ba giao với đường 525 khoảng Km10+300 xã Tượng Văn	Quy mô đường cấp VI đồng bằng theo TCVN 4054-2005; mặt đường láng nhựa, Bn=6,5m, Bm=3,5m	3,3 Km	Giữ nguyên quy mô đường hiện trạng; sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hoàn trả bằng mặt đường láng nhựa	2.829.750.000	2.598.750.000	- nt -
3	Đường tỉnh 512 (Van Thiện - Tượng Sơn) đoạn từ ngã ba xã Tượng Lĩnh khoảng Km8+300 đến ngã ba giao với đường 512 (Tân dân - Chuông) khoảng Km13+500 xã Tượng Sơn	Quy mô đường cấp VI đồng bằng theo TCVN 4054-2005; mặt đường láng nhựa, Bn=6,5m; Bm=3,5m	5,2 Km	Giữ nguyên quy mô đường hiện trạng; sửa chữa hư hỏng nền, cấp mở rộng mặt đường đảm bảo Bm=5,5m và hoàn trả bằng mặt đường láng nhựa	7.579.000.000	6.435.000.000	- nt -
4	Đường từ Quốc lộ 45 đến bãi thải núi Chùa xã Hoàng Sơn, Nông Cống	Quy mô đường cấp VI đồng bằng theo TCVN 4054-2005; mặt đường láng nhựa, Bn=6,5m, Bm=5,5m	2,5 Km	Giữ nguyên quy mô đường hiện trạng; sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hoàn trả bằng mặt đường láng nhựa	2.143.750.000	3.093.750.000	- nt -

STT	Các tuyến đường giao thông hoàn trả	Quy mô tuyến đường hiện trạng	Chiều dài hoàn trả	Quy mô hoàn trả tuyến đường	Chi phí xây dựng Sở GTVT trình (Đồng)	Chi phí xây dựng sau khi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông Vận tải rà soát (Đồng)	Ghi chú
5	Tuyến đường huyện Hoàng Giang - Minh Nghĩa (bao gồm cả sửa chữa cầu Lạc trên tuyến)	Quy mô đường cấp VI đồng bằng theo TCVN 4054-2005; mặt đường láng nhựa, Bn=6,5m; Bm=3,5m	4,5 Km	Giữ nguyên quy mô hiện trạng, sửa chữa hư hỏng, hoàn trả mặt đường láng nhựa, sửa chữa cầu Lạc	7.358.750.000	6.543.750.000	Suất đầu tư sửa chữa đường theo công trình khắc phục hậu quả bảo lụt đường tỉnh 512 (Tân Dân - Chuông) là 225.000 đồng/m ² ; chi phí sửa chữa cầu Lạc là 3,0 tỷ
6	Tuyến đường vào mỏ đất Dầu Voi, xã Minh Thọ	Quy mô đường cấp VI đồng bằng theo TCVN 4054-2005; mặt đường láng nhựa, Bn=6,5m; Bm=3,5m	2,7 Km	Giữ nguyên quy mô đường hiện trạng; sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hoàn trả bằng mặt đường láng nhựa	2.315.250.000	2.126.250.000	Suất đầu tư theo công trình khắc phục hậu quả bảo lụt đường tỉnh 512 (Tân Dân - Chuông) là 225.000 đồng/m ²
7	Tuyến đường vào thôn Vĩnh Lai, xã Tượng Lĩnh	Quy mô đường cấp VI đồng bằng theo TCVN 4054-2005; mặt đường láng nhựa, Bn=6,5m; Bm=3,5m	3,0 Km	Giữ nguyên quy mô đường hiện trạng; sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hoàn trả bằng mặt đường láng nhựa	2.572.500.000	2.362.500.000	- m -
8	Tuyến đường liên xã Trung Chính - Tân Tho - Tân Phúc, huyện Nông Công	Quy mô đường cấp VI đồng bằng theo TCVN 4054-2005; mặt đường láng nhựa, Bn=6,5m; Bm=3,5m	5,3 Km	Giữ nguyên quy mô đường hiện trạng; sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hoàn trả bằng mặt đường láng nhựa	4.544.750.000	-	Không hoàn trả vì tuyến đường đã có trong kế hoạch sửa chữa năm 2017 của huyện Nông Công bằng nguồn hỗ trợ từ quỹ bảo trì địa phương (hỗ trợ 2,5 tỷ đồng)
Tổng					158.450.000.000	129.480.250.000	